TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 246/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 19 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 127/2018/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018, giữa:

- Bà Trần Ngọc P sinh năm 1979; địa chỉ: 710/6 đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh
- Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1972; địa chỉ: 40 đường H1, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và các Điều 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Ngọc P và ông Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Ngọc P và ông Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/2015).

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Ngọc P và ông Nguyễn Văn H có 01 con chung: Họ tên là Nguyễn Đăng K sinh ngày 05/4/2015.

Giao bà Trần Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Đăng K, ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Thi hành vào ngày 15 hàng tháng. Bắt đầu thi hành vào ngày 15/5/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ khác làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Ông Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Ngọc P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025186 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hoàn lại cho bà Trần Ngọc P số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, X.Duyên).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Hữu Đức